

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 3.11.2021

KHÔNG SỐNG VỚI PHẢN ỨNG TÂM LÝ

Kinh Kakudha (Kakudhasuttam)

CHƯƠNG II. TƯƠNG ƯNG THIÊN TỬ, PHẨM CẤP CÔ ĐỘC

(S.i,54)

Nói chính xác thì phiền muộn và vui thích là hai phải ứng tâm lý trái ngược nhưng lại luôn có mặt như cặp bài trùng. Giống như quả lắc đồng hồ nếu qua bên này thì sẽ qua bên kia. Có vui thích thì ắt phải có buồn phiền vì đó là lẽ tự nhiên. Điều này còn nói lên bản chất bị động của tâm thiếu tu tập. Sự tu tập càng kiên cố thì những vui buồn càng tế nhị và đi đến trạng thái xả niệm thanh tịnh. Vị thiên tử trong bài kinh này vốn không có khả năng hiểu Đức Phật và cũng không thấu đạt hiện tượng phản ứng của tâm lý. Trong câu trả lời của Đức Phật cũng nói lên sự vượt thoát đối với cảm thọ và sự pha trộn tất nhiên của khổ vui, một điều mà phàm phu rất khó nhận thức.



Kinh Văn

Evam me sutam
Như vậy tôi nghe.

ekam samayaṃ bhagavā sākete viharati añjanavane migadāye. Atha kho kakudho devaputto abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇo kevalakappaṃ añjanavanam obhāsetvā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamitvā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ aṭṭhāsi.

Một thời Thế Tôn ở Sāketa, rừng Añjana, tại vườn Nai. Rồi Thiên tử Kokudha, sau khi đêm đã gần mãn, với nhan sắc thù thắng chói sáng toàn khu rừng Añjana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên.

Ekamantaṃ ṭhito kho kakudho devaputto bhagavantam etadavoca –
Đứng một bên, Thiên tử Kakudha bạch Thế Tôn:

“nandasi, samaṇā”ti?

-- Thừa Sa-môn, Ngài có hoan hỷ không?

“Kiṃ laddhā, āvuso”ti?

-- Ta được cái gì, này Hiền giả, mà Ta hoan hỷ?

“Tena hi, samaṇa, socasī”ti?

-- Nếu vậy, thưa Sa-môn, có phải Ngài sầu muộn?

“Kiṃ jīyittha, āvuso”ti?

-- Ta mòn mỏi cái gì, này Hiền giả, mà Ta sầu muộn?

“Tena hi, samaṇa, neva nandasi na ca [neva (sī. syā. kaṃ.)] socasī”ti?

-- Vậy thì thưa Sa-môn, Ngài không hoan hỷ và không sầu muộn?

“Evamāvuso”ti.

-- Thật như vậy, này Hiền giả.

“Kacci tvam anagho [anigho (sabbattha)] bhikkhu,

kacci nandī [nandi (sī. syā. kaṃ.)] na vijjati;

Kacci taṃ ekamāsīnaṃ,

aratī nābhikīratī”ti.

Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Tuy vậy, Ngài cũng không
Có được sự hoan hỷ?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?

Bản hiệu đính:

*Mong Ngài không sầu muộn,
Mong Ngài không vui thích,
Mong Ngài ngồi một mình,
Không buồn phiền chi phối.*

**“Anagho ve ahaṃ yakkha,
atho nandī na vijjati;
Atha maṃ ekamāsīnaṃ,
arati nābhikīraṭi”ti.**

Thật sự, này Dạ-xoa,
Ta không có sầu muộn,
Tuy vậy ở nơi Ta,
Hoan hỷ không khởi lên,
Dầu nay Ta có ngồi,
Riêng một mình cô độc,
Ta không có hoan hỷ,
Cũng không bị dao động.

Bản hiệu đính:

*Ta thật sự không buồn,
Cũng không vui. Dạ xoa.
Khi ta ngồi một mình,
Không buồn phiền chi phối.*

**“Kathaṃ tvaṃ anagho bhikkhu,
kathaṃ nandī na vijjati;
Kathaṃ taṃ ekamāsīnaṃ,
arati nābhikīraṭi”ti.**

Làm sao, này Tỷ-kheo,
Ngài không có sầu muộn,
Làm sao ở nơi Ngài,
Hoan hỷ không khởi lên?
Làm sao nay Ngài lại,
Ngồi cô độc một mình,
Không có được hoan hỷ,
Cũng không bị dao động?

Bản hiệu đính:

*Cách nào Ngài không buồn,
Mà cũng không vui thích,
Làm sao ngồi một mình,*

Không buồn phiền chi phối?

**“Aghajātassa ve nandī,
nandījātassa ve aghaṃ;
Anandī anagho bhikkhu,
evaṃ jānāhi āvuso”ti.**

Hoan hỷ chỉ có đến,
Với người tâm sâu muộn,
Sâu muộn chỉ có đến,
Với người tâm hoan hỷ.
Do vậy, vị Tỷ-kheo,
Không hoan hỷ, sâu muộn.
Vậy nên, này Hiền giả,
Ông phải biết như vậy.

Bản hiệu đính:

*Có vui ắt có sâu,
Có sâu bởi có vui,
Người tu không vui buồn,
Người nên hiểu như vậy.*

**“Cirassaṃ vata passāmi,
brāhmaṇaṃ parinibbutaṃ;
Anandiṃ anaghaṃ bhikkhuṃ,
tiṇṇaṃ loke visattika”ntntti.**

Đã lâu, con mới thấy,
Bà-la-môn tịch tịnh,
Vị Tỷ-kheo không sâu,
Cũng không có hoan hỷ,
Đã an toàn vượt khỏi,
Chỗ người đời đắm say.

Bản hiệu đính:

*Lâu rồi con mới gặp,
Bậc Phạm chí tịch tịnh,
Bậc tu không vui buồn,*

Bậc vượt ái ở đời.



Kacci tvaṃ anagho bhikkhu = Mong là tỳ kheo không phiền muộn
kacci nandī na vijjati = Mong là sự vui thích không tìm thấy (nơi Ngài)
Kacci taṃ ekamāsīnaṃ = Mong khi Ngài ngồi một mình
aratī nābhikīratī”ti = Sự không vừa ý không chi phối
Anagho ve ahaṃ yakkha = Ta thật sự không phiền muộn, này Dạ xoa
atho nandī na vijjati = Sự vui thích cũng không tìm thấy ở ta
Atho maṃ ekamāsīnaṃ = Khi ta ngồi một mình
aratī nābhikīratī ”ti = Chẳng có sự không hài lòng chi phối

Kathaṃ tvaṃ anagho bhikkhu = Hỏi bậc tu hành, làm sao Ngài không phiền muộn
kathaṃ nandī na vijjati = Làm thế nào sự vui thích cũng không tìm thấy (nơi Ngài)
Kathaṃ taṃ ekamāsīnaṃ = Thế nào mà ngồi một mình
aratī nābhikīratī”ti = Chẳng có sự không hài lòng chi phối

Aghajātassa ve nandī = Vui thích sanh từ phiền muộn
nandījātassa ve ahaṃ = Phiền muộn sanh từ vui thích
Anandī anagho bhikkhu = Người tu không vui thích cũng chẳng buồn rầu
evaṃ jānāhi āvuso”ti = Hỏi hiền giả, hãy biết về ta như vậy

Cirassaṃ vata passāmi = Từ lâu con mới gặp
brāhmaṇaṃ parinibbutaṃ = Bậc phạm chí tịch nhiên
Anandiṃ anaghaṃ bhikkhuṃ = Bậc tu hành không sầu muộn, không vui thích
tiṇṇaṃ loke visattikaṃ”ti = Đã vượt qua ái chấp ở đời



Thích nghĩa

Những chữ bhikkhu (tỳ kheo), samaṇa (sa môn), brahmana (phạm chí) đều chỉ cho những bậc tu hành trong cách nói chung chung mặc dù tùy ngữ cảnh mang ý nghĩa sai biệt. Mạch văn ở đây mang tính cách nhấn mạnh cương vị của một người tu hành đối với phản ứng tâm lý vui buồn.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Hiệu đính và biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng
-ooOoo-*

8. Kakudhasuttam [Mūla]

99. Evaṃ me sutam – ekaṃ samayaṃ bhagavā sākete viharati añjanavane migadāye. Atha kho kakudho devaputto abhikkantāya rattiyā abhikkantavaṇṇo kevalakappam añjanavanaṃ obhāsetvā yena bhagavā tenupasaṅkami; upasaṅkamtivā bhagavantam abhivādetvā ekamantaṃ atthāsi. Ekamantaṃ tthito kho kakudho devaputto bhagavantam etadavoca – “nandasi, samaṇā”ti? “Kim laddhā, āvuso”ti? “Tena hi, samaṇa, socasī”ti? “Kim jīyittha, āvuso”ti? “Tena hi, samaṇa, neva nandasi na ca [neva (sī. syā. kaṃ.)] socasī”ti? “Evaṃāvuso”ti.

“Kacci tvam anagho [anigho (sabbattha)] bhikkhu, kacci nandī [nandi (sī. syā. kaṃ.)] na vijjati;
Kacci taṃ ekamāsīnaṃ, aratī nābhikīratī”ti.

“Anagho ve ahaṃ yakkha, atho nandī na vijjati;
Atha maṃ ekamāsīnaṃ, aratī nābhikīratī”ti.

“Kathaṃ tvam anagho bhikkhu, kathaṃ nandī na vijjati;
Kathaṃ taṃ ekamāsīnaṃ, aratī nābhikīratī”ti.

“Aghajātassa ve nandī, nandījātassa ve aghaṃ;
Anandī anagho bhikkhu, evaṃ jānāhi āvuso”ti.

“Cirassaṃ vata passāmi, brāhmaṇaṃ parinibbutaṃ;
Anandiṃ anaghaṃ bhikkhuṃ, tiṇṇaṃ loke visattika”ntntti.

8-10. Kakudhasuttādivaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

99. Aṭṭhame **kakudho devaputtoti** ayaṃ kira kolanagare mahāmogallānattherassa upaṭṭhākaputto daharakāleyeva therassa santike vasanto jhānaṃ nibbattetvā kālaṅkato, brahmaloke uppajji. Tatrāpi naṃ kakudho brahmātveva sañjānanti. Nandasīti tussasi. **Kim laddhāti** tuṭṭhi nāma kiñci manāpaṃ labhitvā hoti, tasmā evamāha. **Kim jīyitthāti** yassa hi kiñci manāpaṃ cīvarādivatthu jiṇṇaṃ hoti, so socati, tasmā evamāha. **Aratī nābhikīratīti** ukkaṅṭhitā nābhibhavati. **Aghajātassāti** dukkhajātassa, vaṭṭadukkhe ṭhitassāti attho. **Nandijātassāti** jātataṇhassa. **Aghanti** evarūpassa hi vaṭṭadukkhaṃ āgatameva hoti. “Dukkhī sukhaṃ patthayati”ti hi vuttaṃ. Iti aghajātassa nandī hoti, sukhavipariṇāmena dukkhaṃ āgatamevāti nandijātassa aghaṃ hoti. Aṭṭhamam.

100. Navamaṃ vuttatthameva. Navamaṃ.

101. Dasame ānandattherassa anumānabuddhiyā ānubhāvappakāsanattham **aññataroti** āha. Dasamaṃ.